



ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
THAI NGUYEN UNIVERSITY

ISSN 1859 - 2171

TẠP CHÍ
KHOA HỌC & CÔNG NGHỆ
JOURNAL OF SCIENCE AND TECHNOLOGY

SỐ ĐẶC BIỆT CHÀO MỪNG 87 NĂM THÀNH LẬP HỘI LIÊN HIỆP PHỤ NỮ VIỆT NAM

CHUYÊN SAN KHOA HỌC XÃ HỘI - NHÂN VĂN - KINH TẾ
SOCIAL SCIENCES - HUMANITIES - ECONOMICS

Tập 172, số 12/2, 2017

CHUYÊN SAN KHOA HỌC XÃ HỘI – NHÂN VĂN – KINH TẾ

Mục lục	Trang
Hà Xuân Hương - Thân phận người phụ nữ trong dân ca trữ tình sinh hoạt Tày, Thái	3
Ngô Thị Thu Trang - Một số biện pháp nâng cao năng lực sử dụng từ Hán Việt cho học sinh phổ thông	9
Nguyễn Thị Hà, Vũ Thị Hồng Hoa - Nâng cao tỷ lệ nữ trong các cơ quan dân cử	15
Nguyễn Thu Hà, Nguyễn Thị Mai Hương, An Thị Thư, Nguyễn Thị Hồng - Phát triển chuẩn mực kế toán Việt Nam theo hướng chuẩn mực kế toán quốc tế	21
Nguyễn Thị Hòa - Sử dụng tuyển tập “Những lá thư thời chiến Việt Nam” trong giáo dục lịch sử	27
Nguyễn Thị Xuân Thu, Phạm Ngọc Duy - Những tác động của việc sử dụng sơ đồ ngữ nghĩa đối với khả năng ghi nhớ từ vựng tiếng Anh chuyên ngành của sinh viên trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp – Đại học Thái Nguyên	33
Vũ Kiều Hạnh, Hoàng Thị Cương - Nghiên cứu kỹ năng đọc của sinh viên năm thứ 2 tại trường Đại học Nông Lâm – Đại học Thái Nguyên, cơ sở để thiết kế các hoạt động rèn luyện tăng cường	39
Nguyễn Thị Thu Hương - Bảo vệ quyền nhân thân cho lao động chưa thành niên theo pháp luật Việt Nam	45
Nguyễn Thị Thắm - Hành trình tìm kiếm hạnh phúc của nhân vật nữ trong <i>Những nẻo đường đời và những bản tình ca khác</i> của Le Clézio	51
Lê Thị Lưu, Trần Bảo Ngọc, Bùi Thanh Thủy và cộng sự - Nhận thức của sinh viên cử nhân điều dưỡng về môi trường giáo dục tại trường Đại học Y Dược - Đại học Thái Nguyên bằng bảng hỏi DREEM	57
Bùi Thị Minh Hà, Nguyễn Hữu Thọ - Nhận thức của nông hộ về biến đổi khí hậu và tác động của biến đổi khí hậu tới sản xuất chè - Trường hợp nghiên cứu: Vùng chè Tân Cương thành phố Thái Nguyên	63
Dương Thanh Tinh, Trần Văn Quyết, Nguyễn Ngọc Lý, Nguyễn Việt Dũng - Giải quyết việc làm cho lao động dân tộc thiểu số thông qua phát triển chuỗi liên kết tiêu thụ các sản phẩm từ cây quế tại huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái	69
Nguyễn Thu Nga, Đỗ Thị Tuyết Mai, Nguyễn Thị Diệu Hồng - Sử dụng hàm Cobb - Douglas tuyến tính để đánh giá hiệu quả kinh doanh của các ngân hàng Việt Nam	75
Phùng Thanh Hoa, Bùi Thị Thanh Thủy - Tác động của kinh tế thị trường đến nông thôn Việt Nam hiện nay	81
Hoàng Thị Mỹ Hạnh, Sombath Kingbounkai - Quá trình di cư của người Việt đến Lào và định cư tại tỉnh Luangprabang nước CHDCND Lào	87
Vi Thị Phương - Sử dụng báo chí vào công cuộc xây dựng nền văn hóa mới ở Việt Nam, nhìn từ góc độ tạp chí <i>Tao Đàn</i> (1939)	93
Nguyễn Thị Minh Loan - Đề xuất mô hình tập huấn dạy đặt câu hỏi trong kỹ năng đọc hiểu	99
Nguyễn Thị Bích Ngọc - Đánh giá nội dung và việc giảng dạy học phần bút ngữ tiếng Anh trung cao cấp 2 tại Khoa Ngoại ngữ, Đại học Thái Nguyên xét từ góc độ sinh viên	105
Nguyễn Mai Linh, Trần Minh Thành, Dương Thị Hồng An - Kết hợp sử dụng hồ sơ học tập (Portfolio) và thuyết trình nhóm trong dạy và học các khóa học tiếng Anh chuyên ngành tiếp cận hậu phương pháp luận	111
Trần Thị Kim Hoa - Phát triển năng lực sử dụng từ tiếng Việt cho học sinh tiểu học người dân tộc thiểu số qua các bài tập về từ	117
Trần Tú Hoài - Một số nội dung cơ bản của chính sách phát triển giảng viên qua thực tiễn tại trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên	121
Phạm Thị Huyền, Vũ Thị Thủy - Rèn luyện phong cách làm việc quần chúng của người cán bộ theo phong cách Hồ Chí Minh	127

Tổng Thị Phương Thảo - Bảo vệ quyền của lao động nữ khi mang thai, sinh con và nuôi con nhỏ theo pháp luật lao động Việt Nam	131
Lương Thị Hạnh - Vai trò của phụ nữ dân tộc thiểu số trong xây dựng nông thôn mới ở tỉnh Bắc Kạn	137
Nguyễn Thị Thanh Hà, Nguyễn Thị Thu Hiền - Một số vấn đề về việc xây dựng lối sống mới cho sinh viên Việt Nam hiện nay	143
Hồ Lương Xinh, Nguyễn Thị Yến, Nguyễn Thị Giang, Lưu Thị Thùy Linh, Bùi Thị Thanh Tâm, Nguyễn Mạnh Thắng - Xác suất cải thiện thu nhập của hộ nông dân sau thu hồi đất nông nghiệp tại các khu công nghiệp tỉnh Thái Nguyên	149
Đinh Ngọc Lan, Đoàn Thị Thanh Hiền, Dương Tuấn Việt - Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến sản xuất và tiêu thụ miến dong tại huyện Nguyên Bình- tỉnh Cao Bằng	155
Đỗ Thị Hà Phương, Chu Thị Hà, Nguyễn Thị Giang, Dương Xuân Lâm - Tác động của vốn xã hội và công nghệ thông tin đến dự định chia sẻ tri thức và hành vi chia sẻ tri thức của cán bộ giảng viên tại Đại học Thái Nguyên	161
Nguyễn Thị Hiền Thương, Dương Thị Thu Hoài, Cù Ngọc Bắc, Kiều Thu Hương, Vũ Thị Hải Anh - Sự tham gia của người dân trong việc thực hiện các tiêu chí cơ sở hạ tầng - chương trình xây dựng nông thôn mới tại huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên	169
Vũ Bạch Diệp, Mai Việt Anh - Huy động vốn cho phát triển doanh nghiệp vừa và nhỏ trên địa bàn thành phố Thái Nguyên, thực trạng và một số giải pháp	175
Nguyễn Thị Ngọc Anh, Hoàng Huyền Trang - Thiết kế và sử dụng các trò chơi học tập nhằm nâng cao hiệu quả dạy học môn khẩu ngữ cao cấp cho sinh viên Trung Quốc tại Khoa Ngoại ngữ, Đại học Thái Nguyên	181
Trần Thị Yến, Khổng Thị Thanh Huyền - Những lỗi về câu thường gặp trong bài viết tiếng Anh học thuật của sinh viên Việt Nam chuyên ngành tiếng Anh: Thực trạng, nguyên nhân và giải pháp	187
Hà Thị Thanh Hoa, Chu Thị Kim Ngân, Dương Thị Thúy Hương - Mức độ hài lòng của khách hàng về chất lượng dịch vụ mạng di động Vinaphone tỉnh Thái Nguyên	193
Vũ Thị Loan, Vũ Thị Hậu - Vai trò của giá cổ phiếu đối với dự báo khó khăn tài chính doanh nghiệp: Mô hình SVM	199
Hồ Thị Mai Phương, Hoàng Thị Tú, Trần Nguyệt Anh - Thiết kế và tổ chức trò chơi học tập trong hình thành biểu tượng toán học sơ đẳng cho trẻ mẫu giáo	205
Đồng Thị Hồng Ngọc, Nguyễn Quỳnh Hoa, Nguyễn Thị Thu Hường, Hoàng Thanh Hải, Nguyễn Thị Thu Hằng - Ứng dụng mô hình logistic xếp hạng tín dụng doanh nghiệp xây dựng niềm yết tại Việt Nam	211
Hà Thị Hòa, Hồ Ngọc Sơn - Phân tích chuỗi giá trị qua các kênh tiêu thụ sản phẩm Sơn tra tại Yên Bái	219

PHÂN TÍCH CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN SẢN XUẤT VÀ TIÊU THỤ MIẾN DONG TẠI HUYỆN NGUYÊN BÌNH- TỈNH CAO BẰNG

Đinh Ngọc Lan^{1*}, Đoàn Thị Thanh Hiền¹, Dương Tuấn Việt²

¹Trường Đại học Nông Lâm – ĐH Thái Nguyên; ²IFAD Cao Bằng

TÓM TẮT

Cây dong riềng được xác định là cây kinh tế mũi nhọn của huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng, trong những năm qua đã đem lại hiệu quả tích cực trong công cuộc xóa đói, giảm nghèo của huyện. Tuy nhiên, mối liên kết giữa quá trình sản xuất, chế biến và tiêu thụ cây dong riềng còn nhiều bất cập, dịch vụ cung ứng đầu vào còn nhiều hạn chế, các mối liên kết ngang rất lỏng lẻo, mang tính hình thức, các mối liên kết dọc giữa các nhân tố gần chưa có gì, kể cả mối liên kết giữa người sản xuất và người thu gom. Kết quả nghiên cứu đã chỉ ra có 4 nhóm nhân tố ảnh hưởng đến sản xuất và tiêu thụ miến dong tại huyện Nguyên Bình. Sự tương tác phân phối lợi ích của từng nhân tố theo 4 kênh tiêu thụ là khác nhau, trong đó kênh 2 đi từ người sản xuất đến người bán buôn, đến người bán lẻ rồi đến người tiêu dùng mang lại giá trị cao nhất và hiệu quả cao nhất đối với từng nhân tố. Vì vậy cần mở rộng hình thức này để tăng hiệu quả kinh tế cho các nhân tố tham gia trong sản xuất và tiêu thụ nhất là người sản xuất chế biến miến dong.

Từ khóa: Miến dong, ảnh hưởng, nhân tố, sản xuất, tiêu thụ.

ĐẶT VẤN ĐỀ

Nghề trồng dong riềng và sản xuất miến dong tại huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng có từ rất lâu, đã trở thành nghề truyền thống của huyện. Với tổng diện tích đất tự nhiên 83.915,71 ha, trong đó đất nông nghiệp 8.096,38 ha [1], năm 2016 tổng diện tích trồng dong riềng của toàn huyện đạt được 190,5 ha, tổng sản lượng đạt 12.280,8 tấn, toàn huyện có trên 700 hộ trồng dong riềng [3], cây dong riềng thực sự đã đem lại hiệu quả tích cực trong công cuộc xóa đói, giảm nghèo của huyện của huyện và được xác định là cây kinh tế mũi nhọn của huyện. Tuy nhiên, mối liên kết giữa quá trình sản xuất, chế biến và tiêu thụ còn nhiều bất cập. Vì vậy, phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến sản xuất, tiêu thụ miến dong tại huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng nhằm làm hiểu rõ hơn những mối quan hệ, các tương tác và sự phân phối lợi ích của từng nhân tố trong chuỗi [2], từ đó đề xuất những giải pháp tác động hợp lý nhằm hình thành, hoàn thiện và phát triển chuỗi giá trị ngành hàng miến dong góp phần thúc đẩy mở rộng diện tích và tăng hiệu quả kinh tế cho các nhân tố tham gia trong sản

xuất và tiêu thụ nhất là người sản xuất chế biến miến dong là hết sức cần thiết.

PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Chọn xã điều tra: Chọn 2 xã và 1 thị trấn: Thành Công, Phan Thanh và thị trấn Tĩnh Túc là nơi có truyền thống trồng dong và chế biến miến dong trong nhiều năm qua.

Chọn mẫu điều tra: Tại mỗi nhóm nhân tố, dùng phương pháp chọn mẫu ngẫu nhiên, đối với nhóm người sản xuất miến dong số lượng mẫu điều tra đạt tỉ lệ 20% tổng số hộ sản xuất miến dong. Đối với các nhóm nhân tố khác tùy theo số lượng để lựa chọn tỉ lệ cho phù hợp, tỉ lệ từ 20-50% so với tổng số.

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Các dịch vụ cung cấp đầu vào

Dịch vụ cung cấp phân bón và thuốc BVTV không sẵn có tại hầu hết các xã và chỉ được bán tại các phiên chợ do các nhà cung cấp từ nơi khác mang đến với số lượng hạn chế đã làm cho thiếu hụt về số lượng và không đảm bảo thời điểm canh tác. Dịch vụ về khoa học kỹ thuật ở cả cấp huyện, xã còn hạn chế cả về nhân lực và trình độ chuyên môn/phương pháp nên không có sự hỗ trợ hiệu quả cho người dân.

* Tel: 0914 389 928; Email: dinhngoclan@tuaf.edu.vn

Canh tác và chế biến

Nhiều hộ gia đình, nhất là các hộ nghèo, chưa áp dụng đúng quy trình trồng và chăm sóc nên hay gặp rủi ro bệnh dịch cũng như năng suất thấp.

Hầu hết các cơ sở chế biến và bán hàng theo hướng thủ công, truyền thống nên lượng sản phẩm được quan tâm đóng gói, có nguồn gốc xuất xứ còn rất khiêm tốn.

Bán hàng và tiêu dùng

Đến nay chưa có một đại lý chính thức nào phân phối/bán miến dong Cao Bằng mà tất cả sản phẩm vẫn được luân chuyển một cách phi chính thức qua các tư thương trong tỉnh.

Liên kết

Các mối liên kết ngang do thiết lập không phải do nhu cầu thực tế của người sản xuất mà do sức ép của các cơ quan hành chính là chủ yếu do vậy chúng rất lỏng lẻo, mang tính hình thức để nhận được các hỗ trợ từ dự án hơn là việc họ tự nguyện liên kết để tăng sức mạnh cạnh tranh trong sản xuất, kinh doanh. Trong khi đó các mối liên kết dọc giữa các nhân tố chưa chặt chẽ, kể cả mối liên kết giữa người sản xuất và người thu gom.

Các nhân tố ảnh hưởng đến sản xuất và tiêu thụ miến dong và giá trị gia tăng của các nhân tố theo kênh tiêu thụ

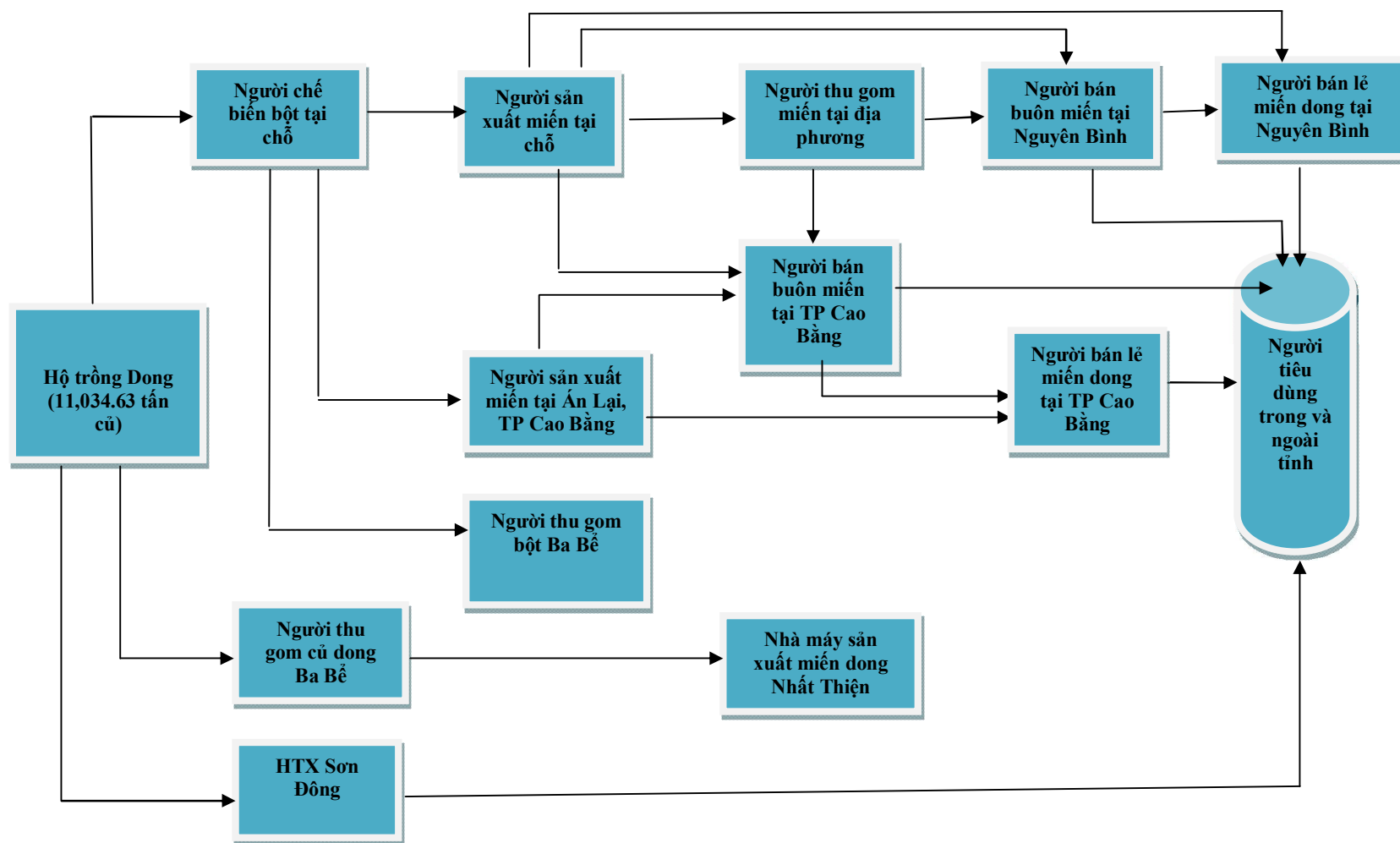
Có nhiều nhân tố ảnh hưởng đến sản xuất và tiêu thụ miến dong trên địa bàn huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng [4]. Các nhân tố không có sự liên kết chặt chẽ với nhau, nó được thể hiện qua quá trình hợp tác sản xuất, kinh doanh không có hợp đồng nào ràng buộc với nhau, chỉ mang tính chất thuận mua vừa bán (Hình 1).

Số liệu ở Hình 2 và Bảng 1 cho thấy miến dong sản xuất tại Nguyên Bình được tiêu thụ qua 4 kênh chính. Trong đó kênh tiêu thụ số 2 chiếm tỷ trọng lớn và tạo ra giá trị gia tăng cao nhất mặc dù không phải là kênh có nhiều tác nhân nhất (5,122.50 nghìn đồng/100kg miến dong), người bán buôn đóng vai trò quan trọng thúc đẩy kênh hàng này phát triển.

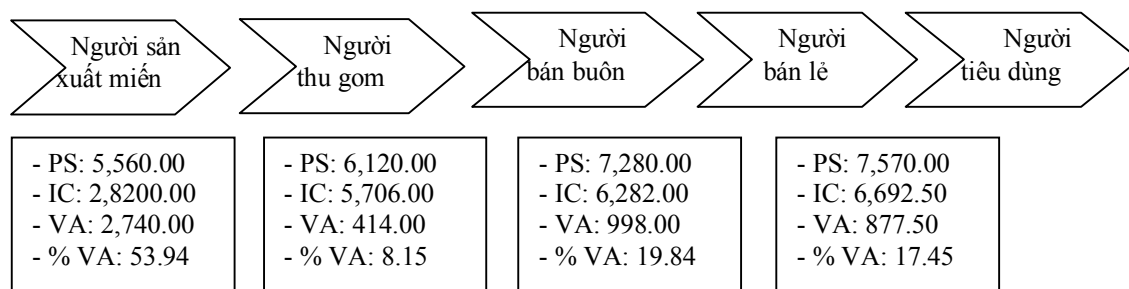
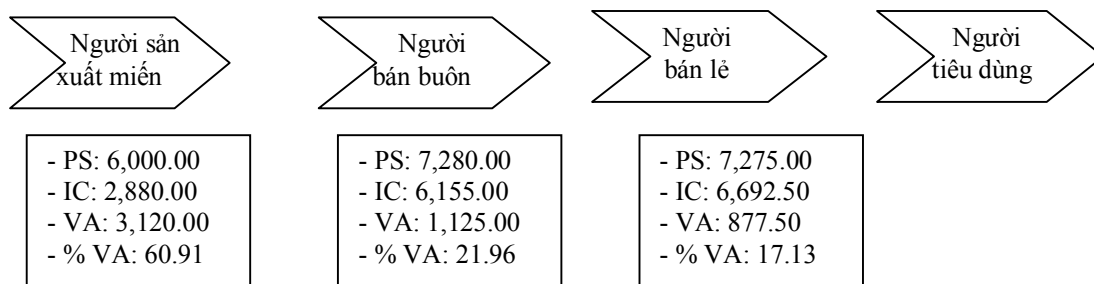
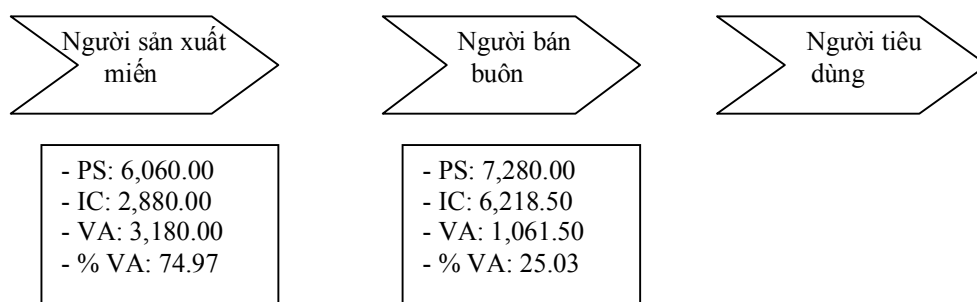
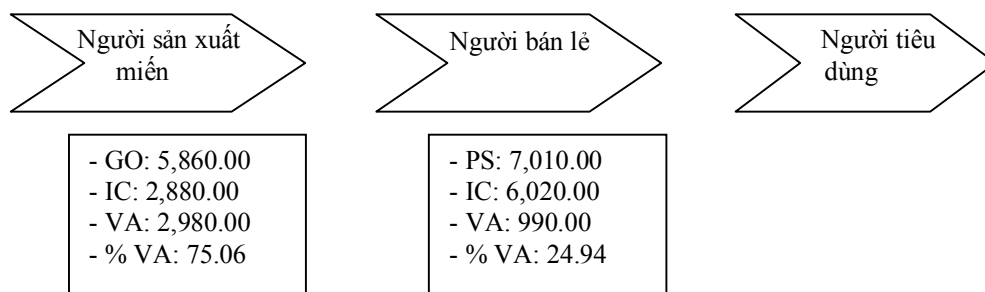
Sự chênh lệch giá qua các kênh tiêu thụ là rất lớn, lớn nhất là ở kênh tiêu thụ số 1, sự chênh lệch giá lên đến 2,010.00 nghìn đồng/100kg miến dong nhưng vai trò của người thu gom còn mờ nhạt, chưa thể hiện được chức năng kết nối giữa người sản xuất với người bán buôn trong ngành hàng. Sự phân chia lợi nhuận giữa các nhân tố trong chuỗi chưa đồng đều, thu nhập thuần cao nhất là người sản xuất và thấp nhất là người thu gom. Do đó nhân tố chịu thiệt nhiều nhất là các hộ sản xuất.

KẾT LUẬN

Trong quá trình sản xuất và tiêu thụ miến dong, giữa các nhân tố có những mối liên kết, chia sẻ thông tin sản xuất thị trường với các mức độ khác nhau. Người sản xuất đã có chiến lược sản xuất miến dong theo hướng thủ công truyền thống tạo ra sự khác biệt về sản phẩm. Sự phân bổ thu nhập và việc làm giữa các nhân tố cho thấy có sự hợp lý nhất định. Tuy nhiên, sản xuất và tiêu thụ miến dong vẫn còn những hạn chế như: Các mối liên kết còn lỏng lẻo, chất lượng sản phẩm chưa được coi trọng, kết cấu tổ chức của chuỗi giá trị còn tách biệt, nhân tố chính trong chuỗi vẫn là người sản xuất chủ yếu là các hộ nông dân. Các nhân tố khác như: Người thu gom, bán buôn, bán lẻ và đặc biệt là người tiêu dùng có tác động rất ít tới sự phát triển của chuỗi. Các nhân tố ảnh hưởng đến sản xuất và tiêu thụ miến dong gần như mang tính một chiều. Vì vậy rất nên thiết lập hệ thống phân phối chính thức tại tỉnh và một số thị trường/thành phố lớn. Cần tổ chức các cuộc họp tại xã giữa người sản xuất và các nhân tố khác trong chuỗi có sự tham gia của chính quyền xã, để trao đổi thống nhất về các nguyên tắc mua - bán, xây dựng cam kết ba bên giữa chính quyền xã – người kinh doanh và người sản xuất. Cần tổ chức cuộc họp cấp huyện/tỉnh để đối thoại với người thu gom và xây dựng các cam kết, thực hiện các tiêu chuẩn sản phẩm, phát triển thương hiệu tập thể "miến dong Nguyên Bình".



Hình 1. Sơ đồ các nhân tố tham gia trong quá trình sản xuất và tiêu thụ miến dồng huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng

Kênh tiêu thụ 1:**Kênh tiêu thụ 2:****Kênh tiêu thụ 3:****Kênh tiêu thụ 4:****Hình 2.** Kết quả gia tăng của các nhân tố theo kênh tiêu thụ

Bảng 1. Sự hình thành giá và giá trị gia tăng của các nhân tố theo kênh tiêu thụ
(Tinh bình quân cho 100 kg miếng dong)

Diễn giải	ĐVT	Người sản xuất	Người thu gom	Người bán buôn	Người bán lẻ	Chuỗi giá trị
Kênh 1						
PS (giá bán)	1000đ	5,560.00	6,120.00	7,280.00	7,570.00	7,570.00
IC	1000đ	2,820.00	5,706.00	6,282.00	6,692.50	2,540.50
VA	1000đ	2,740.00	414.00	998.00	877.50	5,029.50
% VA	%	54.48	8.23	19.84	17.45	100
Kênh 2						
PS (giá bán)	1000đ	6,000.00	-	7,280.00	7,570.00	7,570.00
IC	1000đ	2,880.00	-	6,155.00	6,692.50	2,447.50
VA	1000đ	3,120.00	-	1,125.00	877.50	5,122.50
% VA	%	60.91	-	21.96	17.13	100
Kênh 3						
PS (giá bán)	1000đ	6,060.00	-	7,280.00	-	7,280.00
IC	1000đ	2,880.00	-	6,218.50	-	3,038.50
VA	1000đ	3,180.00	-	1,061.50	-	4,241.50
% VA	%	74.97	-	25.03	-	100
Kênh 4						
PS (giá bán)	1000đ	5,860.00	-	-	7,010.00	7,010.00
IC	1000đ	2,880.00	-	-	6,020.00	3,040.00
VA	1000đ	2,980.00	-	-	990.00	3,970.00
% VA	%	75.06	-	-	24.94	100

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Chi cục thống kê tỉnh Cao Bằng (2016), *Niên giám thống kê tỉnh Cao Bằng năm 2015*, Nxb Thống kê, Cao Bằng.
2. Cẩm nang ValueLinks (2007). *Phương pháp luận để thúc đẩy chuỗi giá trị*, GTZ Eschborn
3. Quỹ Nông nghiệp quốc tế (2011), *Phát triển chuỗi giá trị cho người nghèo*, IFAD, tài liệu tập huấn.
4. Võ Thị Thanh Lộc và Nguyễn Phú Sơn (2012), *Phân tích chuỗi giá trị sản phẩm*, Nxb Cần Thơ, Cần Thơ.

SUMMARY

**ANALYZING FACTORS EFFECT TO PRODUCTION AND CONSUMPTION
OF CANNA IN NGUYEN BINH DISTRICT - CAO BANG PROVINCE****Đinh Ngọc Lan^{1*}, Doan Thi Thanh Hien¹, Duong Tuan Viet²**¹University of Agricultural and Forestry - TNU; ²IFAD Cao Bang

Canna was identified as the key economic crop of Nguyen Binh district, Cao Bang province, over the years, which has brought about positive results in the eliminate hunger and reduce poverty of district. However, the connection between the production, processing and consumption process of Canna are inadequacies, the supply of inputs is limited, the horizontal links are very loose, formalistic, Longitudinal links between agents are almost nothing, including the link between producers and collectors. The research results show that there are four groups of factors effect to production and consumption Canna in Nguyen Binh district. The distribution of the benefits of each factor by the four channels is different, in which channel 2 goes from producer to wholesaler to retailer to consumer and provides the highest value and highest efficiency for each factor in the series. Therefore, it is necessary to expand this form to increase the economic efficiency of the factors which involved in the production and consumption, especially the producers

Key words: *Canna, effect, factor, production, consumption.*

Ngày nhận bài: 01/9/2017; Ngày phản biện: 25/9/2017; Ngày duyệt đăng: 16/10/2017

* Tel: 0914 389 928; Email: dinhngoclan@tuaf.edu.vn

SOCIAL SCIENCE – HUMANITIES – ECONOMICS

Content	Page
Ha Xuan Huong - Women's situations in Thai and Tay's folk songs	3
Ngo Thi Thu Trang - Some measures that need to be implemented to enhance students' ability in terms of using Sino – Vietnamese words	9
Nguyen Thi Ha, Vu Thi Hong Hoa - Enhancing the proportion of female in people's elected bodies	15
Nguyen Thu Ha, Nguyen Thi Mai Huong, An Thi Thu, Nguyen Thi Hong - Developing vietnamese accounting standards towards international accounting standards	21
Nguyen Thi Hoa - Using collection "Vietnam wartime letters" in historical education	27
Nguyen Thi Xuan Thu, Pham Ngoc Duy - Effects of using semantic mapping on ESP vocabulary retention of the students at University of Technology – Thai Nguyen University	33
Vu Kieu Hanh, Hoang Thi Cuong - English reading skill of the second-year students at University of Agriculture and Forestry – Thai Nguyen University: basis for enhancement activities	39
Nguyen Thi Thu Huong - Protection of personal rights for juvenile labor in Vietnam law	45
Nguyen Thi Tham - The journey to search for happiness of female characters in the short stories <i>Cœur brûlé et autres romances</i> of Le Clézio	51
Le Thi Luu, Tran Bao Ngoc, Bui Thanh Thuy et al - The bachelor of nursing students' perception of educational environment at University of Medicine and Pharmacy - Thai Nguyen University by DREEM questionnaire	57
Bui Thi Minh Ha, Nguyen Huu Tho - Awareness of household on climate change and its effectiveness on tea cultivation: a case study in Tan Cuong tea area, Thai Nguyen city	63
Duong Thanh Tinh, Tran Van Quyet, Nguyen Ngoc Ly, Nguyen Viet Dung - Employment creation potential for ethnic minorities through value chain development of cinnamon products in the northern mountainous region of Vietnam - a case study of Van Yen district, Yen Bai province	69
Nguyen Thu Nga, Do Thi Tuyen Mai, Nguyen Thi Dieu Hong - Applying Cobb-Douglas linear function to measure the efficiency of Vietnam commercial banks	75
Phung Thanh Hoa, Bui Thi Thanh Thuy - The impact of market economy on rural Viet Nam at present	81
Hoang Thi My Hanh, Sombath Kingbounkai - The migration process of Vietnamese to Laos and location in Luangprabang province of Laos	87
Vi Thi Phuong - Using press to the new construction of building culture in Vietnam, look at the <i>Tao Dan</i> magazine (1939)	93
Nguyen Thi Minh Loan - A proposed model for question generation instruction in reading comprehension	99
Nguyen Thi Bich Ngoc - English written proficiency – upper intermediate 2 (EWU241): students' evaluation of the course content and teaching activities at the School of Foreign Languages, Thai Nguyen University	105
Nguyen Mai Linh, Tran Minh Thanh, Duong Thi Hong An - Portfolio development and group presentation for ESP courses toward postmethod	111
Tran Thi Kim Hoa - Developing the ability of using Vietnamese for ethnic minority elementary school pupils through vocab exercises	117
Tran Tu Hoai - The main points of "lecturers development" policy that were taken in University of Education – Thai Nguyen University	121
Pham Thi Huyen, Vu Thi Thuy - Training the working style manner of cadres following Ho Chi Minh's style	127

Tong Thi Phuong Thao - Protect the rights of women workers during pregnancy, childbirth and child rearing according to Vietnamese labor law	131
Luong Thi Hanh - The role of ethnic minority women in building new rural areas in Bac Kan province	137
Nguyen Thi Thanh Ha, Nguyen Thi Thu Hien - Some issues on building new ways of life for Vietnamese students nowadays	143
Ho Luong Xinh, Nguyen Thi Yen, Nguyen Thi Giang, Luu Thi Thuy Linh, Bui Thi Thanh Tam, Nguyen Manh Thang - Probability of improving farmer household income after agricultural land acquisition at industrial zones in Thai Nguyen province	149
Dinh Ngoc Lan, Doan Thi Thanh Hien, Duong Tuan Viet - Analyzing factors effect to production and consumption of canna in Nguyen Binh district - Cao Bang province	155
Do Thi Ha Phuong, Chu Thi Ha, Nguyen Thi Giang, Duong Xuan Lam - Investigating the effects of social capital and information technology on knowledge sharing intention and knowledge sharing behavior among employees in Thai Nguyen University	161
Nguyen Thi Hien Thuong, Duong Thi Thu Hoai, Cu Ngoc Bac, Kieu Thu Huong, Vu Thi Hai Anh - Research the contribution of cityzens to implement the imfrastructure criteria for new rural program in Phu Luong district, Thai Nguyen province	169
Vu Bach Diep, Mai Viet Anh - Some solutions for mobilizing capital for small and medium enterprises developing Thai Nguyen city	175
Nguyen Thi Ngoc Anh, Hoang Huyen Trang - Designing and using learning games in order to increase the effective teaching in oral advanced proficiency for chinese students at School of Foreign Languages, Thai Nguyen University	181
Tran Thi Yen, Khong Thi Thanh Huyen - Common sentence problems in academic writing committed by Vietnamese students of English: situation, causes and solutions	187
Ha Thi Thanh Hoa, Chu Thi Kim Ngan, Duong Thi Thuy Huong - The satisfaction of customers on the quality of Vinaphone mobile network service of Thai Nguyen province	193
Vu Thi Loan, Vu Thi Hau - The role of market stock price as a financial distress predictor: SVM model	199
Ho Thi Mai Phuong, Hoang Thi Tu, Tran Nguyet Anh - Design and organization of learning games in elementary school mathematical symbols for elementary school children	205
Dong Thi Hong Ngoc, Nguyen Quynh Hoa, Nguyen Thi Thu Huong, Hoang Thanh Hai, Nguyen Thi Thu Hang - Application of logistic models in rating credit of listed construction enterprices in Vietnam	211
Ha Thi Hoa, Ho Ngoc Son - Values chain analysis through consumption channels of Son tra in Yen Bai province	219